

Bản án số: **107/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 - 10 - 2019

V/v: “*Xin ly hôn,
tranh chấp nuôi con*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN D THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu In

Các Hội thẩm nhân D: - Bà Chung Kim Sang

- Ông Nguyễn Quốc Tiến

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân D thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân D thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân D thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2019, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Hồng D, sinh năm 1994 (*có mặt*);

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

*** Bị đơn:** Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1990 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: Số 25/9 đường M, khu phố N, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D trình bày:* Tôi và anh H quen nhau do mai mối, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2012.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp, bất

đồng quan điểm trong cuộc sống hằng ngày, giữa hai bên gia đình cũng có xảy ra mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2013 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị D làm đơn xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị D xác định vợ chồng chung sống có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Thảo M, sinh ngày 08/8/2012, hiện nay đang sống với chị D. Chị D yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định không có.

* Bị đơn anh Huỳnh Văn H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh H không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn anh Huỳnh Văn H mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng D với anh Huỳnh Văn H, giao con chung tên Huỳnh Thị Thảo M, sinh ngày 08/8/2012 cho chị Trần Thị Hồng D nuôi dưỡng, chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, tài sản chung và nợ chung chị D xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn anh Huỳnh Văn H vẫn vắng mặt không rõ lý do và nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Huỳnh Văn H.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Trần Thị Hồng D khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Huỳnh Văn H. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng D sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng D với anh Huỳnh Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân D phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/8/2012, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị D xác nhận là do mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, giữa hai bên gia đình có xảy ra mâu thuẫn với nhau; mặc dù chị D và anh H đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2013 đến nay. Nay chị D xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Phía anh H không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị D và anh H không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị D xác định quá trình chung sống có 01 người con chung tên Huỳnh Thị Thảo M, sinh ngày 08/8/2012, hiện nay đang sống với chị D. Chị D yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu Thảo M sống chung với chị D, đồng thời tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 06/9/2019 cháu Thảo My có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ là chị D khi cha mẹ ly hôn nhau, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Thảo M cho chị D tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị D xác định không có.

Do anh H không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh H có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng D sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Buộc chị Trần Thị Hồng D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị D được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005978 ngày 27/6/2019 tại Chi cục thi hành án D sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng D sự;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Hồng D được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2/ Về con chung: Giao người con chung tên Huỳnh Thị Thảo M, sinh ngày 08/8/2012 cho chị Trần Thị Hồng D tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Văn H được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/ Về tài sản chung: Chị Trần Thị Hồng D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị Trần Thị Hồng D xác định không có.

5/ Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng D phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị D được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005978 ngày 27/6/2019 tại Chi cục thi hành án D sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; nên chị D không phải nộp thêm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án D sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA D sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THU IN

